

Số: /QĐ-CTK

Điện Biên, ngày tháng 8 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

### VỀ VIỆC CÔNG BỐ CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023 CỦA CỤC THỐNG KÊ TỈNH ĐIỆN BIÊN

#### CỤC TRƯỞNG CỤC THỐNG KÊ TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 167/TB-TCTK ngày 09/8/2024 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc thông báo xét duyệt số liệu quyết toán ngân sách Nhà nước năm 2023;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tổ chức – Hành chính.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu Quyết toán ngân sách năm 2023 của Cục Thống kê tỉnh Điện Biên (theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng phòng Phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng các Phòng nghiệp vụ thuộc Cơ quan Cục, Chi cục trưởng Chi cục Thống kê chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Tổng cục Thống kê (Vụ KHTC);
- Lãnh đạo Cục;
- Bộ phận công nghệ thông tin (đăng tin);
- Lưu: VT, KT.

**KT. CỤC TRƯỞNG**  
**PHÓ CỤC TRƯỞNG**

**Nguyễn Xuân Thọ**











Mã chương: 013  
Đơn vị: Cục Thống kê tỉnh Điện Biên  
Mã ĐVQHNS: 1011960

**Mẫu số B03/BCQT**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC  
ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính)

# THUYẾT MINH BÁO CÁO QUYẾT TOÁN

Năm 2023

## A. TÌNH HÌNH CHUNG

### 1. Tình hình người lao động, quỹ lương:

1.1. Người lao động có mặt tại thời điểm báo cáo: 77 Người

Trong đó:

- Công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm): 66 Người

- Người lao động theo hợp đồng 111: 11 Người

1.2. Tăng trong năm: 02 Người

Trong đó:

- Công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm): 02 Người

- Người lao động theo hợp đồng 111: 00 Người

1.3. Giảm trong năm: 04 Người

Trong đó:

- Công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm): 02 Người

- Người lao động theo hợp đồng 111: 02 Người

### 2. Thực hiện các chỉ tiêu của nhiệm vụ cơ bản:

Năm 2023, Cục Thống kê tỉnh Điện Biên được giao dự toán như sau:

\* Tổng cục Thống kê giao:

- Kinh phí thực hiện tự chủ: 11.642.600.000 đồng, trong đó:

+ KP tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp: 8.382.000.000 đồng

+ KP định mức chi thường xuyên theo biên chế: 3.230.000.000 đồng

+ KP khen thưởng: 30.600.000 đồng

+ KP cắt giảm: 0 đồng

- Kinh phí không thực hiện tự chủ: 4.930.000.000 đồng, trong đó:

+ KP điều tra thường xuyên: 4.280.000.000 đồng

+ KP cải tạo, sửa chữa trụ sở: 650.000.000 đồng

- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng: 8.000.000 đồng

- Kinh Phí cải cách tiền lương: 812.000.000 đồng

Trong đó:

#### 2.1. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ thu, chi

a. Đánh giá chung: Năm 2023, Cục Thống kê tỉnh Điện Biên đã thực hiện tốt các nhiệm vụ tài chính kế toán được giao, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Bộ Tài chính và hướng dẫn của Vụ Kế hoạch Tài chính (Tổng cục Thống kê).

b. Đánh giá kết quả thực hiện chương trình, đề án, dự án lớn, CTMT quốc gia, CTMT

#### 2.2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công

### 3. Những công việc phát sinh đột xuất trong năm:

## B. THUYẾT MINH CHI TIẾT

## I. Tình hình sử dụng NSNN trong năm

### 1. Nguyên nhân của các biến động quyết toán tăng, giảm so với dự toán được giao

(kinh phí năm trước chuyển sang, dự toán huỷ bỏ không thực hiện, chỉ sai chế độ phải xuất toán,...):

Trong năm 2023, Cục Thống kê tỉnh Điện Biên Kinh phí tự chủ còn lại: 72.901.280 đồng (chuyển sang năm 2024. Kinh phí chi khen thưởng năm 2023 nhưng theo yêu cầu của Tổng cục năm 2024 mới được ban hành QĐ khen thưởng). Số kinh phí không tự chủ còn lại bị huỷ: 90.178.642 đồng (Văn phòng Cục: 67.253.270 đồng gồm: Kinh phí điều tra thông kê thường xuyên 66.319.833 đồng (do số lượng dự trù phiếu nhiều hơn với số lượng chính thức), Kinh phí sửa chữa, cải tạo Chi cục Thống kê 933.437 đồng. Chi cục Thống kê Khu vực Điện Biên Phủ - Mường Ảng: kinh phí điều tra thường xuyên 22.925.372 đồng (do số lượng dự trù phiếu nhiều hơn với số lượng chính thức))

### 2. Nguồn NSNN trong nước:

#### 2.1. Kinh phí đã nhận từ năm trước chuyển sang:

##### a) Kinh phí thường xuyên/tự chủ:

+ Tiền đã nhận nhưng chưa chi:

+ Kinh phí đã rút dự toán NSNN để tạm ứng cho nhà cung cấp:

+ Số dư tạm ứng lệnh chi tiền:

Trong đó:

Nguồn CK:

##### b) Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ:

+ Tiền đã nhận nhưng chưa chi:

+ Kinh phí đã rút dự toán NSNN để tạm ứng cho nhà cung cấp:

+ Số dư tạm ứng lệnh chi tiền:

Trong đó:

Nguồn tài trợ, biểu tặng nhỏ lẻ không theo nội dung, địa chỉ sử dụng cụ thể:

Nguồn CK:

#### 2.2. Dự toán giao năm nay:

##### a) Kinh phí thường xuyên/tự chủ:

- DT giao đầu năm: 12.622.599.000

Trong đó nguồn CK:

- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm: -167.999.000

Trong đó nguồn CK:

+ Điều chỉnh tăng:

+ Điều chỉnh giảm:

- Dự toán cấp bằng Lệnh chi tiền:

##### b) Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ:

- DT giao đầu năm: 5.086.765.000

Trong đó nguồn CK:

- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm: -148.765.000

Trong đó nguồn CK:

+ Điều chỉnh tăng:

+ Điều chỉnh giảm:

- Dự toán cấp bằng Lệnh chi tiền:

- Nguồn tài trợ, biểu tặng nhỏ lẻ không theo nội dung, địa chỉ sử dụng cụ thể:

#### 2.3. Kinh phí thực nhận trong năm:

- Kinh phí thường xuyên/tự chủ:

12.381.698.720

Trong đó nguồn CK:



*Trong đó:*

- + Nhận từ rút dự toán ngân sách được giao: 12.381.698.720
- + Nhận từ Lệnh chi tiền cấp vào tài khoản tiền gửi:
  - Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ: 4.847.821.358

Trong đó nguồn CK:

*Trong đó:*

- + Nhận từ rút dự toán ngân sách được giao: 4.847.821.358
- + Nhận từ Lệnh chi tiền cấp vào tài khoản tiền gửi:
  - Nguồn tài trợ, biếu tặng nhỏ lẻ không theo nội dung, địa chỉ sử dụng cụ thể:

#### 2.4. Kinh phí giảm trong năm

- Nguồn NSNN giảm: 90.178.642

Lý do giảm:

Trong đó nguồn CK giảm:

Lý do giảm:

#### 2.5. Kinh phí đã nhận chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán:

##### a) Kinh phí thường xuyên/tự chủ:

- + Tiền đã nhận nhưng chưa chi:
- + Kinh phí đã rút dự toán NSNN để tạm ứng cho nhà cung cấp:
- + Số dư tạm ứng lệnh chi tiền:

*Trong đó:*

Nguồn CK:

##### b) Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ:

- + Tiền đã nhận nhưng chưa chi:
- + Kinh phí đã rút dự toán NSNN để tạm ứng cho nhà cung cấp:
- + Số dư tạm ứng lệnh chi tiền:

*Trong đó:*

Nguồn tài trợ, biếu tặng nhỏ lẻ không theo nội dung, địa chỉ sử dụng cụ thể:

Nguồn CK:

### 3. Nguồn viện trợ

#### 3.1. Dự toán được giao năm nay:

- DT giao đầu năm:
- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm:
- + Điều chỉnh tăng:
- + Điều chỉnh giảm:

#### 3.2. Tổng kinh phí đã nhận viện trợ trong năm:

- Nhận viện trợ bằng tiền về đơn vị:
- Nhận viện trợ bằng hàng hóa:
- Nhận viện trợ chuyển thẳng cho nhà cung cấp:
- Nhận viện trợ khác:

### 4. Nguồn vay nợ nước ngoài

#### 4.1. Dự toán được giao năm nay:

- DT giao đầu năm:
- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm:
  - + Điều chỉnh tăng:
  - + Điều chỉnh giảm:

#### 4.2. Số đã giải ngân, rút vốn chưa hạch toán NSNN (chi tiết)

## II. Tình hình thu phí, lệ phí và sử dụng nguồn phí được khấu trừ, để lại

### 1. Tình hình thu phí, lệ phí:

STT	Nội dung	Tổng số thu	Số phải nộp NSNN	Số phí được khấu trừ, để lại	Ghi chú
I	Phí				
II	Lệ phí (nộp NSNN 100%)				

Trong đó:

- Số phí được khấu trừ, để lại phân bổ cho chi thường xuyên:

- Số phí được khấu trừ, để lại phân bổ cho chi không thường xuyên:

### 2. Tình hình thực hiện chi từ nguồn phí được khấu trừ, để lại

#### 2.1. Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang:

- Kinh phí thường xuyên/tự chủ:

- Kinh phí không thường xuyên/ không tự chủ:

Trong đó: Kinh phí chưa được cấp có thẩm quyền giao:

#### 2.2. Dự toán được giao năm nay:

a) Kinh phí thường xuyên/tự chủ:

- DT giao đầu năm:

- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm:

+ Điều chỉnh tăng:

+ Điều chỉnh giảm:

b) Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ:

- DT giao đầu năm:

- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm:

+ Điều chỉnh tăng:

+ Điều chỉnh giảm:

#### 2.3. Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán:

- Kinh phí thường xuyên/tự chủ:

+ Sử dụng phục vụ thu phí:

+ Sử dụng cho hoạt động khác của đơn vị:

- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ:

+ Sử dụng phục vụ thu phí:

+ Sử dụng cho hoạt động khác của đơn vị:

#### 2.4. Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán:

- Kinh phí thường xuyên/tự chủ:

- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ:

Trong đó: Kinh phí chưa được cấp có thẩm quyền giao:

## III. Nguồn hoạt động khác được để lại

### 1. Tên nguồn kinh phí được để lại:

Kinh phí được để lại theo ..... số ..... ngày ..... của .....

### 2. Số thu trong năm:

Trong đó:

- Số nộp NSNN:

- Số nộp cấp trên:

- Số được để lại đơn vị:

### 3. Dự toán được giao năm nay:

a) Kinh phí thường xuyên/tự chủ:

- DT giao đầu năm:
- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm:
  - + Điều chỉnh tăng:
  - + Điều chỉnh giảm:

b) Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ:

- DT giao đầu năm:
- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm:
  - + Điều chỉnh tăng:
  - + Điều chỉnh giảm:

#### IV. Thuyết minh khác

##### 1. Chi tiền lương:

1.1. Chi từ nguồn NSNN trong nước:

*Trong đó:*

- Chi lương cho công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm):
- Chi cho người lao động theo hợp đồng 111:

1.2. Chi từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài:

*Trong đó:*

- Chi lương cho công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm):
- Chi cho người lao động theo hợp đồng 111:

1.3. Chi từ nguồn phí được khấu trừ, để lại:

*Trong đó:*

- Chi lương cho công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm):
- Chi cho người lao động theo hợp đồng 111:

1.4. Chi từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ:

*Trong đó:*

- Chi lương cho công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm):
- Chi cho người lao động theo hợp đồng 111:

1.5. Chi từ nguồn khác:

*Trong đó:*

- Chi lương cho công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm):
- Chi cho người lao động theo hợp đồng 111:

##### 2. Trích lập và sử dụng nguồn kinh phí cải cách tiền lương:

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó			
			Nguồn NSNN	Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn sản xuất kinh doanh, dịch vụ	Nguồn khác
I	Số dư năm trước mang sang					
II	Trích lập					
III	Sử dụng	812.000.000	812.000.000			
1	Sử dụng cho cải cách tiền lương	812.000.000	812.000.000			
2	Sử dụng cho đầu tư, mua sắm, hoạt động chuyên môn và thực hiện cơ chế tự chủ					
IV	Số dư chuyển năm sau					

##### 3. Chi NSNN bằng ngoại tệ (nếu có):

.....  
.....  
**4. Thuyết minh khác:**  
.....

.....  
**C. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ**

1. Nhận xét: Năm 2023, Cục Thống kê tỉnh Điện Biên đã thực hiện tốt các nhiệm vụ tài chính kế toán được giao, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Bộ Tài chính và hướng dẫn của Vụ Kế hoạch Tài chính (Tổng cục Thống kê).